

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		599.614.772.222	561.387.215.260
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(578.262.769.568)	(473.038.039.524)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(19.750.081.717)	(24.553.472.463)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(871.257.937)	(745.365.862)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(2.112.688.366)	(2.610.598.858)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		7.313.542.243	11.465.701.584
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(36.329.671.503)	(33.937.570.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.398.154.626)	37.967.869.199
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.830.774.336)	(1.984.732.095)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		415.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.174.777	56.823.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.386.599.559)	(10.927.908.219)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		244.385.510.092	165.733.869.858
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(218.205.315.419)	(182.616.472.276)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.811.391.697)	(5.973.229.649)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		24.368.802.976	(22.855.832.067)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(7.415.951.209)	4.184.128.913
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.969.105.413	9.786.155.100
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		631.577	(1.178.600)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	6.553.785.781	13.969.105.413

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Lê Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Ngô Thu Dung

Lập, ngày 26 tháng 02 năm 2018

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hà Quốc Cường